

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LUẬT VIỆC LÀM

I. TUYÊN TRUYỀN, PHỔ BIẾN LUẬT VIỆC LÀM VÀ CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH

Sau khi Luật Việc làm có hiệu lực, UBND huyện Nga Sơn đã thực hiện nghiêm túc công tác triển khai, tuyên truyền phổ biến Luật. Tại cấp huyện, Hội đồng Phổ biến giáo dục pháp luật đã tổ chức hội nghị đến các xã, thị trấn, các cơ quan ngành trong huyện; tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh của huyện, xã, thị trấn. Ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ việc làm và quỹ quốc gia về việc làm; hướng dẫn người lao động làm hồ sơ đề nghị hỗ trợ khi có đủ điều kiện quy định.

UBND huyện chỉ đạo UBND các xã, thị trấn thực hiện phổ biến Luật đến toàn dân; chú trọng thực hiện chính sách việc làm công; phối hợp với các tổ chức, đơn vị tạo việc làm cho người lao động theo đúng chính sách việc làm công.

II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC QUY ĐỊNH CỦA LUẬT VIỆC LÀM CÁC VĂN BẢN HƯỚNG DẪN THI HÀNH

1. Hỗ trợ DN nhỏ và vừa, HTX, tổ hợp tác, hộ kinh doanh tạo việc làm cho người lao động

1.1. Kết quả đạt được.

Về phát triển doanh nghiệp

Trên cơ sở hoạt động sản xuất kinh doanh, dịch vụ của từng địa bàn xã, thị trấn. Rà soát đánh giá lại quy mô các hộ sản xuất kinh doanh cá thể, tuyên truyền, vận động các hộ gia đình có điều kiện đẩy mạnh mở rộng sản xuất kinh doanh ngành nghề hiện có, phát triển và thành lập doanh nghiệp. Phấn đấu mỗi xã, Thị trấn thành lập mới ít nhất từ 2 đến 3 doanh nghiệp/ năm. Riêng địa bàn thị trấn 10 DN trở lên/ năm .

Về thực hiện các cơ chế chính sách thúc đẩy phát triển công nghiệp tiểu thủ công nghiệp, dịch vụ

- Căn cứ vào cơ chế khuyến khích phát triển CN- TTCN và dịch vụ của nhà nước và của tỉnh, UBND huyện tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các tổ chức, cá nhân tiếp cận với các cơ chế, chính sách để yên tâm đầu tư phát triển;

- Đối với các doanh nghiệp thuê đất đầu tư vào các cụm công nghiệp, làng nghề theo quy hoạch được hưởng cơ chế của tỉnh. Riêng các dự án đầu tư

tư vào cụm công nghiệp Tam Linh ngoài cơ chế hỗ trợ của tỉnh, ngân sách huyện hỗ trợ 50% kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng sau khi tổ chức xây dựng hoàn thành nhà xưởng đi vào hoạt động.

- Các doanh nghiệp tham gia hội chợ trong và ngoài nước, ngoài ngân sách tỉnh hỗ trợ theo quy định, UBND huyện hỗ trợ một phần kinh phí tùy theo quy mô, địa điểm hội chợ.

- Đối với doanh nghiệp, hộ gia đình sản xuất hàng chiếu cói có mua máy dệt chiếu mới đưa vào sử dụng ổn định từ 02 năm trở lên được hỗ trợ 20% giá trị ghi trên hóa đơn, nhưng mức hỗ trợ không quá 20 triệu đồng/ 1 máy. Thời gian thực hiện cơ chế trong hai năm 2017 và 2018.

- Đối với hộ nghèo và cận nghèo có nhu cầu sản xuất quạt lõi nếu mua máy xe lõi mới để sản xuất ổn định ít nhất 06 tháng trở lên được hỗ trợ 50% giá trị mua máy, mức hỗ trợ không quá 600.000 đồng/máy(có hồ sơ xuất xứ nguồn gốc máy). Thời gian thực hiện cơ chế trong hai năm 2017 và 2018.

Về ứng dụng khoa học công nghệ

- Áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, trọng tâm là ngành hàng cói. Khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp ứng dụng đổi mới công nghệ, thiết bị vào sản xuất để tăng năng suất lao động, chất lượng giá trị của sản phẩm.

- Xây dựng cơ chế thu hút tài năng, khuyến khích lao động sáng tạo, nghiên cứu để ban hành một số cơ chế đối với người có trình độ tay nghề cao, doanh nghiệp sử dụng lao động có tay nghề cao.

Về đào tạo và phát triển nguồn nhân lực

- Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng kiến thức quản trị kinh doanh cho các chủ doanh nghiệp. Mời các chuyên gia, nghệ nhân có kinh nghiệm của các địa phương khác về dạy nghề và truyền nghề cho người lao động của các cơ sở sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Liên kết tạo điều kiện để các chủ cơ sở, cá nhân kinh doanh có điều kiện học tập kỹ năng, kinh nghiệm phát triển sản xuất kinh doanh, phát triển nghề mới với các huyện, tỉnh bạn.

- Trường Trung cấp nghề Nga Sơn là đầu mối phối hợp với các doanh nghiệp, làng nghề để đào tạo nguồn nhân lực theo hướng gắn kết giữa cơ sở đào tạo với doanh nghiệp, thực hiện đào tạo nghề theo yêu cầu và địa chỉ cụ thể, đồng thời có cơ chế khuyến khích phát triển đào tạo nghề và truyền nghề.

Về đẩy mạnh và mở rộng tìm kiếm thị trường tiêu thụ

- Định kỳ mỗi năm 02 lần, cấp ủy, chính quyền, các ngành trong huyện tổ chức gặp gỡ, đối thoại với các doanh nghiệp, cùng lắng nghe và dự báo về xu hướng phát triển của thị trường.

- Khuyến khích các doanh nghiệp hoạt động xúc tiến thương mại, tham gia các hội nghị, hội thảo về chiến lược kinh doanh, phát triển thị trường; tham gia hội chợ trong và ngoài nước để giới thiệu sản phẩm, hàng hóa, nhất là các sản phẩm có lợi thế của huyện; phát huy các thị trường hiện có, tìm kiếm mở rộng thị trường mới có tiềm năng và bền vững hơn.

Huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn

Các tổ chức tín dụng, ngân hàng; quỹ tín dụng nhân dân tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất và nông dân tiếp cận vốn vay để phát triển sản xuất kinh doanh. Phát huy hiệu quả trong công tác vay vốn gắn với các tổ chức hội theo nghị quyết liên tịch 02;03 giữa ngân hàng nông nghiệp & PTNN với hội Phụ nữ và hội Nông dân.

Đẩy mạnh thu hút các nguồn lực để đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ dân sinh và phát triển công nghiệp, TTCN, du lịch, dịch vụ...

Cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh

- Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chỉ đạo các ban, ngành rà soát bổ sung sửa đổi các trình tự, thủ tục hành chính, phổ biến công khai để thống nhất thực hiện, nhất là thủ tục quy trình giao đất, cho thuê đất, thẩm định dự án đầu tư, cấp giấy phép, các hoạt động dịch vụ, thuế...

- Đảm bảo an ninh trật tự, tập trung tháo gỡ khó khăn vướng mắc cho các doanh nghiệp, nhà đầu tư, tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các thành phần kinh tế đầu tư phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ trên địa bàn huyện.

1.2. Tồn tại, hạn chế nguyên nhân

- Các chính sách, chương trình hỗ trợ doanh nghiệp đã được ban hành tương đối đầy đủ, nhưng ít DNNVV tiếp cận được các nguồn lực hỗ trợ của Nhà nước. Nguyên nhân là phần lớn các chính sách, chương trình hỗ trợ chỉ hướng vào đối tượng doanh nghiệp nói chung, không ưu tiên hoặc dành riêng hỗ trợ DNNVV. Vì vậy, trên thực tế, chủ yếu là các doanh nghiệp lớn tiếp cận được các chính sách, chương trình hỗ trợ của Nhà nước (ví dụ, chính sách tín dụng đầu tư, tín dụng xuất khẩu của Nhà nước theo quy định tại Nghị định số 75/2011/NĐ-CP). Bên cạnh đó, nhiều cơ chế, chính sách đã ban hành, nhưng chậm trễ hoặc gặp nhiều khó khăn, vướng mắc trong việc tổ chức triển khai thực hiện, nên chưa hỗ trợ kịp thời doanh nghiệp, đặc biệt trong bối cảnh kinh tế suy thoái vừa qua.

- Nguồn lực dành cho hỗ trợ DNNVV hạn chế, nhưng còn dàn trải, phân tán, thậm chí chồng chéo... Hầu hết chưa chủ động bố trí ngân sách để hỗ trợ cho DNNVV, nếu có thì cũng rất hạn chế so với nhu cầu hỗ trợ. Nhiều chương trình, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp được ban hành nhưng kinh phí chưa bố trí kịp thời để triển khai thực hiện. Một số chính sách, chương trình hỗ trợ có nội dung chồng chéo, trùng lặp do nhiều Sở cùng thực hiện hoặc nhiều chính sách, chương trình do cùng một Sở thực hiện (ví dụ, chương trình hỗ trợ khoa học công nghệ, các chương trình đào tạo nguồn nhân lực...).

- Hệ thống cơ quan trợ giúp phát triển DNNVV chưa được hình thành đồng bộ từ Trung ương đến địa phương. Ở cấp Trung ương, cơ quan đầu mối trợ giúp phát triển DNNVV chỉ mới tập trung vào công tác xây dựng các cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển DNNVV, chưa có đủ điều kiện để đẩy mạnh việc tổ chức triển khai thực hiện chính sách, các chương trình trợ giúp phát triển DNNVV do nguồn nhân lực hạn chế, cơ sở vật chất yếu kém và nguồn kinh phí thực hiện các chương trình trợ giúp phát triển DNNVV hạn hẹp, kể cả một số hoạt động chính₃

như đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác trợ giúp phát triển DNNVV... Ở cấp địa phương, hệ thống các cơ quan đầu mối về trợ giúp phát triển DNNVV chưa hoàn thiện và còn yếu. Đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước của huyện, xã trong lĩnh vực phát triển DNNVV còn thiếu, năng lực hạn chế và phần lớn chưa được qua đào tạo, bồi dưỡng về công tác trợ giúp phát triển DNNVV. Vì vậy, kết quả việc triển khai các chương trình trợ giúp phát triển DNNVV tại địa phương còn nhiều hạn chế.

1.3. Kiến nghị, đề xuất: Không

2. Về chính sách việc làm công

2.1. Kết quả đạt được

- Tổng số dự án: 56.

Số ngày làm việc: 2520 ngày

Tổng số tiền công: 17.694.850.000 đồng

Số người được giải quyết việc làm: 1966 người

Người dân tộc thiểu số: 0

Lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo: 1966

- Phân loại theo chủ đầu tư:

+ Dự án, hoạt động do UBND huyện làm chủ đầu tư: 0.

+ Dự án, hoạt động do UBND cấp xã làm chủ đầu tư: 56

Số ngày làm việc: 2520 ngày

Tổng số tiền công: 17.694.850.000 đồng

Số người được giải quyết việc làm: 1966 người

Người dân tộc thiểu số: 0

Lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo: 1966

- Phân loại theo hình thức lựa chọn nhà thầu:

+ Dự án, hoạt động theo hình thức tham gia của cộng đồng: 56

Số ngày làm việc: 2520 ngày

Tổng số tiền công: 17.694.850.000 đồng

Số người được giải quyết việc làm: 1966 người

Người dân tộc thiểu số: 0

Lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo: 1966

+ Dự án, hoạt động theo hình thức đấu thầu: 0.

2.2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Chưa có sự phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan chức năng trong việc quản lý, giải quyết việc làm cho người lao động.

- Số lượng lao động được giải quyết việc làm từ chính sách việc làm công còn ít; đặc biệt là đối với các dự án đầu thầu.

2.3. Kiến nghị, đề xuất: Không

3. Về chính sách hỗ trợ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

3.1. Hỗ trợ đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết

a. Kết quả đạt được

- Chính sách hỗ trợ đào tạo nghề, ngoại ngữ, bồi dưỡng kiến thức cần thiết là cơ hội để tạo điều kiện cho người lao động có đủ điều kiện tham gia đi lao động có thời hạn ở nước ngoài, nhất là lao động thuộc hộ nghèo, cận nghèo.

- Thực hiện Nghị định 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ việc làm và quỹ quốc gia về việc làm, UBND huyện Nga Sơn đã ban hành văn bản hướng dẫn thực hiện, quy định thời gian nhận hồ sơ hỗ trợ của người lao động kịp thời đến nhân dân trên địa bàn huyện.

Mặc dù vậy, nhưng từ năm 2015 đến nay, huyện không nhận được hồ sơ nào đề nghị hỗ trợ của người lao động.

b. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách đến người lao động còn nhiều hạn chế; nhiều người lao động không biết chính sách hỗ trợ của nhà nước nên không làm hồ sơ đề nghị.

- Một số lao động biết chính sách nhưng ngại làm hồ sơ đề nghị hỗ trợ.

- Chính sách chưa đi vào cuộc sống.

c. Kiến nghị đề xuất: Không.

3.2. Hỗ trợ đào tạo, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để đáp ứng yêu cầu của nước tiếp cận lao động

a. Kết quả đạt được: Không có lao động được hỗ trợ.

b. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

c. Kiến nghị, đề xuất: Không

3.3. Hỗ trợ vay vốn đối với người lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng

a. Kết quả đạt được:

- Nguồn vốn cho vay:

Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

Ngân hàng chính sách xã hội.

- Doanh số cho vay:

Ngân hàng NN&PTNT: 981.000.000 đồng.

Ngân hàng CSXH: 900.000.000 đồng.

- Số lượng lao động vay vốn: 36

Người dân tộc thiểu số: 0

Người thuộc hộ nghèo: 05

Người thuộc hộ cận nghèo: 0

Người thuộc diện bị thu hồi đất nông nghiệp: 0

Thân nhân của người có công với cách mạng: 04

- Mức vay bình quân 1 người:

Ngân hàng NN&PTNT: 36.333.000 đồng.

Ngân hàng CSXH: 100.000.000 đồng.

- Tỷ lệ nợ quá hạn, nợ khoanh:

Ngân hàng NN&PTNT: 0.

Ngân hàng CSXH: 20.000.000 đồng.

b. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân:

- Số lượng người lao động được vay vốn là quá ít so với nhu cầu.

- Mức vay thấp so với chi phí đi lao động ở nước ngoài nên hộ nghèo, cận nghèo khó tiếp cận được.

c. Kiến nghị đề xuất

- Đề nghị Nhà nước tăng nguồn vốn phân bổ hàng năm để đáp ứng được nhu cầu vay vốn của các hộ sản xuất kinh doanh trên địa bàn; tăng mức cho vay.

- Đơn giản hóa các thủ tục cho vay để người dân dễ tiếp cận được với nguồn vốn.

4. Về hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên

4.1. Đào tạo nghề cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ, công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển KT-XH

a. Kết quả đạt được

Việc đào tạo nghề cho thanh niên sau khi xuất ngũ đã được Luật việc làm quy định tại Điều 21. Trong đó quy định rõ: Nhà nước hỗ trợ đào tạo nghề gắn với tạo việc làm cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình dự án phát triển kinh tế - xã

hội. Trong 05 năm qua, sau khi hoàn thành nghĩa vụ quân sự, 100% các quân nhân được đơn vị cấp cho 01 thẻ học nghề miễn phí, trị giá bằng 12 tháng lương tối thiểu để học nghề trên tất cả các sơ sở đào tạo nghề trên toàn quốc. Các ngành nghề thanh niên tham gia học chủ yếu là: nghề mộc, điện dân dụng, điện lạnh, kỹ thuật hàn điện,... Nhìn chung, đa phần các thanh niên sau khi học nghề đều tự tìm kiếm được việc làm hoặc mở cơ sở tại địa phương.

b. Tôn tại, hạn chế, nguyên nhân

- Việc quản lý, nắm bắt tình hình tạo việc làm cho thanh niên sau xuất ngũ chưa chặt chẽ, chưa giao trách nhiệm cho cơ quan, đơn vị nào trong việc theo dõi, đánh giá số lượng, chất lượng.

- Đa phần các thanh niên sau khi xuất ngũ không ở tại địa phương, một bộ phận thanh niên sau khi nhận thẻ học nghề được cấp mang bán lại cho nhà trường, do không có nhu cầu đào tạo và học các ngành nghề trên.

- Một số thanh niên sau khi học nghề không tìm kiếm được việc làm phù hợp với ngành nghề được đào tạo, phải tìm kiếm công việc khác.

c. Kiến nghị, đề xuất

Nhà nước cần giao rõ trách nhiệm quản lý, theo dõi việc thanh niên đào tạo nghề sau xuất ngũ cho cơ quan, đơn vị cụ thể.

Đa dạng hóa các ngành nghề tại các cơ sở đào tạo để thanh niên sau xuất ngũ có thể lựa chọn học và có việc làm sau khi học.

4.2. Hỗ trợ thanh niên lập nghiệp, khởi nghiệp DN

a. Kết quả đạt được

Các quy phạm pháp luật đều tạo điều kiện thuận lợi cho thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp. Theo đó, trong 5 năm qua, Ban Thường vụ Huyện Đoàn đã phối hợp với các đơn vị liên quan: Phòng Kinh tế hạ tầng huyện, Trung tâm hướng nghiệp, dạy nghề và giới thiệu việc làm tỉnh Thanh Hóa, trường trung cấp Nghề huyện, các trường ĐH, cao đẳng... tổ chức tư vấn, định hướng nghề nghiệp cho thanh niên (đặc biệt là học sinh lớp 9, lớp 12). Cụ thể, phối hợp mở 41 lớp, với hơn 18.000 lượt ĐVTN tham gia. Chỉ đạo các cơ sở Đoàn trong huyện phối hợp với trung tâm học tập cộng đồng xã mở 218 lớp cho hơn 10.000 lượt thanh niên.

Phối hợp với Ngân hàng chính sách xã hội huyện, Quỹ Thanh niên khởi nghiệp để ĐVTN được tiếp cận các nguồn vốn nhằm khởi sự doanh nghiệp trên địa bàn huyện. Hiện tại, nguồn vốn thanh niên được tiếp cận để phát triển kinh tế tại địa phương khoảng trên 15 tỷ.

b. Tồn tại, hạn chế

+ Trợ cấp một lần: người lao động có việc làm hoặc đi làm nghĩa vụ quân sự được nhận trợ cấp một lần là không hợp lý, vì mục đích của chính sách bảo hiểm thất nghiệp là nhằm hỗ trợ hoặc bù đắp một phần thu nhập bị thiếu hụt do người lao động mất việc làm hoặc chấm dứt hợp đồng lao động, hợp đồng làm việc. Do đó khi người lao động đã có việc làm thì không nhận trợ cấp một lần và có hình thức khác để khuyến khích người lao động tích cực tìm việc làm.

+ Hỗ trợ học nghề: mức hỗ trợ học nghề thấp và thời gian ngắn, khó khăn cho người lao động.

c. Kiến nghị, đề xuất: Không

III. CÁC VẤN ĐỀ KIẾN NGHỊ BỔ SUNG QUY ĐỊNH TRONG LUẬT VIỆC LÀM

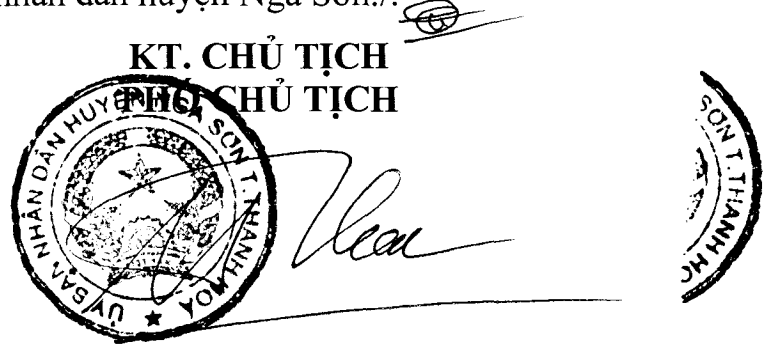
Không

Trên đây là báo cáo kết quả đánh giá tình hình thực hiện Luật Việc làm từ ngày 16/11/2013 đến nay của Ủy ban nhân dân huyện Nga Sơn./.

Nơi nhận:

- Sở LĐTBXH (BC);
- CT, PCT UBND huyện (BC);
- Lưu: VT, LĐTBXH.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



The image shows a circular official seal of the Nga Son People's Committee (ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN NGÃ SƠN, TỈNH THANH HÓA) with a handwritten signature over it. To the right, there is a partial view of another official seal.

Mai Đình Hiếu